

Bản án số: 311/2019/DS-PT

Ngày 17 – 4 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Thạch

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Ngọc Hương

Bà Huỳnh Thị Như Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/DSPT ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án số 675/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Toà án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 709/2018/QĐPT, ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA

Địa chỉ trụ sở chính: 130 PDL, Phường B, quận PN, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc H.

(Theo văn bản ủy quyền số 32/QĐ-ĐABQ10 ngày 01/9/2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA). Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T.

Địa chỉ: 217/10 đường C, Phường D, Quận E, Thành phố H. Vắng mặt.

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 kháng nghị;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2016 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Ngày 04/9/2008 Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA và bà Nguyễn Thị Thanh T ký Hợp đồng đăng ký sử dụng thẻ ĐôngA Bank, số tài khoản thẻ: 0800001626, hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất 18%/năm; thời hạn vay từ ngày 16/9/2008 đến ngày 30/9/2009, mục đích vay tiêu dùng. Trong quá trình vay, bà T đã trả đầy đủ tiền cho Ngân hàng. Ngày 30/9/2009 theo đề nghị của bà T, Ngân hàng ĐA đã gia hạn thẻ cho bà T thời hạn 1 năm từ ngày 02/11/2009 đến ngày 30/9/2010. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 27/4/2010, nên ngày 15/6/2010 Ngân hàng bắt đầu tính phí chậm thanh toán dựa trên sao kê của chủ thẻ (bà T). Ngày 15/8/2010 sau ba kỳ chủ thẻ không thanh toán tiền còn nợ cho Ngân hàng, nên Ngân hàng ĐA đã khóa thẻ và chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/12/2016, số tiền nợ tạm tính là: 582.461.702 đồng (trong đó nợ gốc: 46.981.849 đồng; Nợ lãi gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn: 74.454.066 đồng; Phí chậm thanh toán: 461.025.787 đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ Ngọc H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/11/2018 là 607.232.882 đồng (gồm nợ gốc 46.981.849 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 99.225.246 đồng, phí chậm thanh toán là 461.025.787 đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA yêu cầu bà T thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, và bà T phải trả khoản lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 30/11/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo quy định tại hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên không có lời khai.

Bản án sơ thẩm số 675/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 98 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA số tiền còn nợ là 607.232.882 đồng (sáu trăm lẻ bảy triệu hai trăm ba mươi hai ngàn tám trăm tám mươi hai đồng).

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 30/11/2018 cho đến khi bà T trả hết nợ theo quy định trong hợp đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm là 28.289.315 đồng (hai mươi tám triệu hai trăm tám mươi chín ngàn ba trăm mười lăm đồng), bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu.

Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.649.234 đồng, theo biên lai thu tiền số 0000917 ngày 18/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 14/12/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án sơ thẩm theo Quyết định kháng nghị số 388/QĐKNPT-VKS-DS.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên nội dung kháng nghị, đề nghị sửa án sơ thẩm, không chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền phí chậm thanh toán 461.025.787 đồng, do Ngân hàng đã tính phí chồng phí, tính lãi của phí chồng lên lãi tín dụng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA vẫn không thay đổi yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm có ý kiến: về thủ tục tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý, xét xử vụ án đúng quy định; Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung, Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng nghị, sửa án sơ thẩm không chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền phí chậm thanh toán 461.025.787 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của nguyên đơn có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Thanh T có đăng ký và sử dụng thẻ ĐôngA Bank, số tài khoản thẻ: 0800001626 với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất 18%/năm. Kể từ ngày 27/4/2010, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng nên ngày 15/6/2010 Ngân hàng bắt đầu tính phí chậm thanh toán dựa trên sao kê của chủ thẻ (bà Thảo). Và đến ngày 15/8/2010 sau ba kỳ chủ thẻ không thanh toán tiền còn nợ cho ngân hàng, nên ngân hàng đã khóa thẻ và

chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng ĐA khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/11/2018 là: 607.232.882 đồng (gồm các khoản nợ gốc 46.981.849 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 99.225.246 đồng, phí chậm thanh toán là 461.025.787 đồng).

Xét thấy, theo xác nhận của Ngân hàng Đông Á, thời điểm ngày 27/4/2010 lúc bà T ngừng thanh toán nợ cho ngân hàng với số dư nợ là 46.981.849 đồng, thì đến ngày 15/8/2010 Ngân hàng ĐA đã khóa thẻ và chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng visa Dong A Bank, có giải thích từ ngữ như sau: “phí dịch vụ thẻ tín dụng là các khoản phí mà chủ thẻ thanh toán cho DAB khi sử dụng thẻ và thực hiện các giao dịch thẻ (điều 1, khoản 1.15). Phí dịch vụ thẻ tín dụng bao gồm cả phí thanh toán chậm (điều 7, khoản 7.5.1).”

Tuy nhiên, kể từ ngày 15/8/2010, Ngân hàng đã khóa thẻ tín dụng của bà Thảo, có nghĩa là Ngân hàng ĐA không còn cung cấp dịch vụ tín dụng cho chủ thẻ (bà T) nữa nhưng vẫn tiếp tục tính phí chậm thanh toán cho khoản nợ của bà T là không có căn cứ; bởi vì khoản nợ trên đã được Ngân hàng ĐA chuyển sang nợ quá hạn và đã được tính lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn.

[2] Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất đã hướng dẫn tại Điều 8, khoản 1: “Đối với hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01-01-2017, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả.

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.”.

Theo hướng dẫn nêu trên thì lãi chậm trả chỉ áp dụng đối với các hợp đồng tín dụng xác lập sau ngày 01-01-2017 còn đối với các hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01-01-2017 Tòa án chỉ xác định hai khoản là lãi trên nợ gốc trong hạn và lãi trên nợ gốc quá hạn để giải quyết. (khoản 1, khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết).

[3] Từ những căn cứ được phân tích trên, xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị về phần tính lãi chậm trả (phí chậm thanh toán) của án sơ thẩm là có căn cứ, được chấp nhận; Do vậy nên sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần buộc bị đơn phải trả khoản phí chậm thanh toán số tiền

461.025.787 đồng và Ngân hàng ĐA phải chịu án phí sơ thẩm về phần yêu cầu không được chấp nhận này.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất trong xét xử.
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; sửa bản án sơ thẩm số 675/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA; buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA số tiền còn nợ do sử dụng thẻ tín dụng visa DongA Bank, tổng cộng số nợ phải trả là 146.207.098 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm lẻ bảy ngàn không trăm chín mươi tám đồng). [gồm nợ gốc 46.981.849 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 99.225.246 đồng].

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA số tiền phí chậm thanh toán là 461.025.787 đồng (bốn trăm sáu mươi một triệu không trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm tám mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/11/2018) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (trong hợp đồng tín dụng) nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm là 7.310.355 đồng (bảy triệu ba trăm mười ngàn ba trăm năm mươi lăm đồng), bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.441.028 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.649.234 đồng, theo biên lai thu tiền số 0000917 ngày 18/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA còn phải nộp thêm số tiền 8.791.794 đồng (tám triệu bảy trăm chín mươi một ngàn bảy trăm chín mươi bốn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND Quận 10;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

Lưu Ngọc Thạch